TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/DS-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng;

2. Ông Phạm Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 544/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5386/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B – Địa chỉ liên lạc: Lầu A, Trung tâm xử lý nợ, Số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh *(có đề nghị vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M *(vắng mặt)*

Địa chỉ cư trú: G22-Chợ N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày ngày 30/6/2023, ông Nguyễn Văn M có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (từ đây viết là "Ngân hàng") hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 36.000.000đồng với mục đích tiêu dung cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 69.000.000đồng. Trongq úa trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày Ngân hàng khởi kiện, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.549.575đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/02/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 11/9/2024, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M phải tar cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2024 là 49.012.708đồng trong đó dư nợ gốc là 38.434.863đồng, lãi quá hạn là 10.577.845đồng và ông M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị vắng mặt, Bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên tại Bản tự khai đề ngày 31/7/2025, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn B trình bày nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 31/7/2025 là 67.244.873đồng trong đó vốn gốc là 38.434.863đồng, tiền lãi quá hạn là 28.810.010đồng và ông M còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất vay quy định tại hợp đồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – là tổ chức tín dụng - khởi kiện ông Nguyễn Văn M do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 153/2023/TTD ngày 30/6/2023 ký kết giữa ông M và Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm ông M ký kết "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân", ông M ghi cư trú tại G22-chợ N Đầu mối T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do đó Ngân hàng đã nộp Đơn khởi kiện ông M tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối chiếu nội dung địa chỉ ông M tại Đơn khởi kiện, tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 153/2023/TTD ngày 30/6/2023 điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đề nghị vắng mặt, ông M đã được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc do vi phạm thỏa thuận tính đến ngày 31/7/2025 là 38.434.863đồng. Ngân hàng khởi kiện ông M, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng ông M không đến. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do Ngân hàng giao nộp, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay, chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng.

[2.2] Tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 153/2023/TTD ngày 30/6/2023, ông M xác định *"...đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1*". Đối chiếu quy định tại Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S với bảng kê tính lãi đến ngày 31/7/2025 của Ngân hàng nộp và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông M phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 28.810.010đồng.

Từ [2.1] và [2.2], tính đến ngày 31/7/2025, ông M phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 67.244.873đồng.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự: 67.244.873đồng x 5% = 3.362.244đồng; Ngân hàng không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 180 và Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 4, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 38.434.863đ (Ba mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm sáu mươi ba đồng), tiền lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 28.810.010đ (Hai mươi tám triệu, tám trăm mười ngàn, không trăm mười đồng), tổng cộng tính đến ngày 31/7/2025 là 67.244.873đ (Sáu mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 153/2023/TTD ngày 30/6/2023 và Điều Khỏan và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thanh toán do ông Nguyễn Văn M và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí là 3.362.244đ (Ba triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.225.318đ (Một triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm mười tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043959 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2 Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm dân nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV2-TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 2 TP.HCM);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh